

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/4/2021

V/v *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thịnh.

2. Ông Huỳnh Quốc Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 16/4/2021, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/01/2021 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 05/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị S**, sinh năm 1985 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, Tổ X1, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Thạch P**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị S trình bày: Vào năm 2010, bà S và ông P chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà có hai con chung là Thạch Thị Ngọc T, sinh ngày 24/12/2010, hiện sống với ông P và Thạch Thị

Ngọc K, sinh ngày 12/6/2012, hiện sống với bà S. Do vợ chồng không cùng quan điểm nên sống chung thường xuyên cãi nhau, sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà S yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Không công nhận bà và ông Thạch P là vợ chồng; Về con chung: Bà S yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung theo nguyện vọng của cháu Thạch Thị Ngọc T và cháu Thạch Thị Ngọc K, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ chung: Bà S không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Thạch P: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông Thạch P từ chối nhận tất cả các thủ tục tố tụng của Tòa án, không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông Thạch P.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/02/2021, ông Huỳnh Ngọc V – Ban nhân dân ấp A cho rằng: Hiện tại cháu Thạch Thị Ngọc T đang sống với ông P và cháu Thạch Thị Ngọc K đang sống với bà S.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2021, nguyện vọng của cháu T là được tiếp tục sống với cha là ông Thạch P; cháu K có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ là bà Lâm Thị S. Điều kiện sống và học tập của các cháu hiện tại tốt, đi học gần nhà, tự đạp xe đến trường.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn không có đăng kết hôn theo quy định của pháp luật nên theo quy định của pháp luật: Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó nguyên đơn bà Lâm Thị S khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Thạch P là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: cháu T hiện đang sống với ông P, cháu K đang sống với bà S nên cần ổn định, tránh làm thay đổi môi trường sống của các cháu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho người không trực tiếp nuôi con không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, bị đơn ông Thạch P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2010, bà S và ông P cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà S và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, đồng thời phải đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà S và ông P chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận. Nay bà S yêu cầu không công nhận bà và ông P là vợ chồng là có căn cứ, cần được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

[2.2] Về con chung: Bà S và ông P có hai con chung là Thạch Thị Ngọc T, sinh ngày 24/12/2010, hiện sống với ông P và Thạch Thị Ngọc K, sinh ngày 12/6/2012, hiện sống với bà S. Cháu T hiện sống với cha và cháu K đang sống với mẹ. Các cháu có cuộc sống tốt, học hành thuận tiện. Qua xem xét nguyện vọng của các cháu và cuộc sống hiện tại của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu T cho ông P và cháu K cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà S và ông P không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271, 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị S, không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị S và ông Thạch P.

2. Về con chung:

Giao cháu Thạch Thị Ngọc T, sinh ngày 24/12/2010 cho ông Thạch P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Giao cháu Thạch Thị Ngọc K, sinh ngày 12/6/2012 cho bà Lâm Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Bà S và ông P được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà S và ông P không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Lâm Thị S phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008783 ngày 25/01/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, đề Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa